TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2017/HNGĐ-PT Ngày 13/12/2017 V/v "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa.

Các Thẩm phán: Ông Phùng Chí Thiện.

Ông Vũ Minh Quán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02/10/2017 về việc: "*Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*" do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị chị Quách Quỳnh D là nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐ-PT ngày 06/11/2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số 711/TB-PT ngày 27/11/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Quỳnh D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà 019, đường B, tổ 20, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 575, đường H, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Hoàng Trọng V, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 019, đường B, tổ 20, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của chị Quách Quỳnh D đề ngày 29 tháng 12 năm 2015 và người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa trình bày: Chị Quách Quỳnh D và anh Hoàng Trọng V chung sống với nhau từ năm 1989 không đăng ký kết hôn.Trong thời gian chung sống chị Quách Quỳnh D và anh Hoàng Trọng V có 02 con chung các cháu đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Quá trình chung sống chị Quách Quỳnh D và anh Hoàng Trọng V tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Năm 2002, anh chị mua của anh Nguyễn Văn D 01 nhà 02 tầng có diên tích 36m^2 nằm trên diện tích đất 90,18m^2 thửa số 218, tờ bản đồ số P4-24 (Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) - Địa chỉ số 019, đường B, tổ 20, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Đến năm 2004 thì chị Quách Quỳnh D và anh Hoàng Trọng V xây thêm nhà, bếp ghép vào nhà đã mua thành ngôi nhà 02 tầng hoàn chỉnh, tổng diện tích sử dụng là 88m^2. Chị Quách Quỳnh D đề nghị Tòa án chia tài sản chung là ngôi nhà, đất và giao đất và nhà cho chị Quách Quỳnh D quản lý sử dụng, chị Quách Quỳnh D có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho anh Hoàng Trọng V, vì trong thời gian sống chung thì nhà sử dụng làm cơ sở mầm non tư thục Q là nguồn thu nhập chính của chị Quách Quỳnh D, còn anh Hoàng Trọng V thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà, vẫn có nhiều cơ hội để tạo dựng cuộc sống mới.

Bị đơn, anh Hoàng Trọng V trình bày: Anh và chị Quách Quỳnh D chung sống với nhau từ năm 1989 không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống anh và chị Quách Quỳnh D có 02 con chung nhưng các cháu đều đã trưởng thành. Năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết không công nhận anh và chị Quách Quỳnh D là vợ chồng.

Về quan hệ tài sản chung: Năm 1986, ông Hoàng Văn K là bố đẻ của anh Hoàng Trọng V cho anh ngôi nhà gỗ ba gian, 5 hàng chân, cột vuông nằm trên diện tích đất 350m^2 - Địa chỉ thôn F, xã X, huyện G, tỉnh Lào Cai. Năm 1989, anh và chị Quách Quỳnh D về chung sống với nhau tại ngôi nhà đó, đến năm 1990 thì bán ngôi nhà đó cho anh Trần Văn T được 18 cây vàng, sau khi bán nhà thì mua đất - Địa chỉ tại đường H, thành phố L, tỉnh Lào Cai của bà V, đến cuối năm 1993 đổi ngôi nhà, đất này cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P - Địa chỉ số nhà 607, đường H, tổ 04, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai, để lấy ngôi nhà gỗ tạm - Địa chỉ đường M, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai, được

trả thêm số tiền 18.000.000 đồng, đến năm 1995 đổi căn nhà này cho ông C để lấy nhà, tại địa chỉ số nhà 016, phố N, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai và được thêm số tiền 14.000.000 đồng, đến năm 2002, thì bán ngôi nhà này cho chị Vũ Thị Ng - Địa chỉ số 018, đường I, phường Cốc Lếu, thành phố L với giá 110.000.000 đồng, đến năm 2003 thì mua 01 nhà 02 tầng, diện tích 88m^2, nằm trên diện tích đất 90,18m^2 của ông Nguyễn Văn D với giá 180.000.000 đồng - Địa chỉ số nhà 019, đường B, tổ 20, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Năm 2004 anh và chị Quách Quỳnh D xây thêm 01 nhà liền sát với nhà đã mua thành 01 nhà 2 tầng hợp nhất. Anh Hoàng Trọng V đề nghị được quản lý sử dụng nhà, vì lý do bản thân anh đã có gia đình vợ và con nhỏ hiện nay cuộc sống gia đình khó khăn cả hai vợ chồng anh thu nhập thấp đang phải đi thuê nhà. Anh chỉ nhất trí chia tài sản chung là phần nhà làm thêm năm 2004, còn phần tài sản nhà và đất mua năm 2003 là tài sản riêng của anh không liên quan đến chị Quách Quỳnh D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị không thống nhất trị giá nhà và đất. Chị Quách Quỳnh D đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Tại biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 19 tháng 6 năm 2017, đối với nhà xây cả hai tầng, tổng diện tích là 177,78m2; đối với diện tích đất 90,18m^2 - Địa chỉ số nhà 019, đường B, tổ 20, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai, trị giá nhà và đất là 1.196.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Bản án sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về quan hệ tài sản chung: Giao cho anh Hoàng Trọng V tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 90,18m^2 thửa đất số 218, tờ bản đồ số P4-24 - Địa chỉ tại số nhà 019, đường B, tổ 20, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và sở hữu 01 ngôi nhà xây 02 tầng, diện tích cả hai tầng là 177,78m^2 nằm trên diện tích đất nêu trên, trị giá nhà và đất là 1.196.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Anh Hoàng Trọng V có trách nhiệm thanh toán tiền chệnh lệch chia tài sản chung cho chị Quách Quỳnh D số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/9/2017, nguyên đơn chị Quách Quỳnh D kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm giao nhà và đất cho anh Hoàng Trọng V quản lý, sử dụng vì trong thời gian sống chung chị đã sử dụng nhà làm cơ sở mầm non tư thục Q nay chị vẫn có nhu cầu mở cơ sở này tại vị trí trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do tài sản chung giữa anh V và chị D được hình thành từ tài sản riêng của anh V và anh V đang nuôi con nhỏ có nhu cầu về nhà ở nên Bản án sơ thẩm đã giao nhà đất cho anh V sở hữu là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Quách Quỳnh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ.

[1] Xét nguồn gốc tài sản chung của anh Hoàng Trọng V và chị Quách Quỳnh D, xuất phát từ tài sản của bố đẻ của anh Hoàng Trọng V là ông Hoàng Văn K cho ngôi nhà và đất - Địa chỉ thôn F, xã X, huyện G, tỉnh Lào Cai từ năm 1986. Trong thời gian chung sống qua nhiều lần mua bán, trao đổi đến năm 2004 anh, chị đã tạo dựng được khối tài sản là ngôi nhà xây 02 tầng có diện tích cả hai tầng là 177,78m^2 nằm trên diện tích đất 90,18m^2, thể hiện trong quá trình chung sống hai bên đã tự nguyện sát nhập từ nguồn gốc tài sản riêng của anh V thành tài sản chung, nguồn gốc hình thành tài sản chung được chị D và anh V thừa nhận (BL141). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khối tài sản trên là tài sản chung của anh V, chị D là có căn cứ.

[2] Xét đơn kháng cáo của chị Quách Quỳnh D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao nhà và đất cho chị quản lý sử dụng, chị có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho anh V.

Nhận thấy nhà và đất có nguồn gốc hình thành từ tài sản riêng của anh V, theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự. Như vậy, về tình cảm anh Hoàng Trọng V và chị Quách Quỳnh D đã được bản án sơ thẩm số 11/2016 HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố L tuyên bố không công nhận vợ chồng nên việc chia tài sản chung của anh V và chị D phải áp dụng Điều 209, 219 Bộ luật dân sự 2015 quy định về sở hữu chung để chia mới đúng nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụngĐiều 33; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình để xác định tài sản chung của anh V và chị D là tài sản chung của vợ chồng để áp dụng nguyên tắc chia đôi là đã có lợi cho chị D rất nhiều. Trong đơn kháng cáo chị D đã trình bày trong thời gian sống chung với anh V chị đã sử dụng nhà làm cơ sở mầm non tư thục Q nay chị vẫn có nhu cầu sử dụng nhà để mở cơ sở mầm non tư thục Q. Tuy nhiên theo xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố nơi chị D cư trú và tại phiên tòa chị D cũng xác định cơ sơ mần non Q đã ngừng hoạt động từ năm 2015, và đất được Ủy ban nhân dân thành phố L quy hoạch là đất thổ cư, sau khi xét xử sơ thẩm chị D đã trao đổi với anh V về việc nếu anh V trả đủ 550.000.000đ cho chị thì chị giao nhà đất cho anh V nhưng anh V chỉ hứa trả trước cho chị 300.000.000đ nên chị không đồng ý. Từ những chứng cứ trên cho thấy lý do kháng cáo của chị D là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm giao nhà và đất cho anh Hoàng Trọng V quản lý sử dụng và phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung cho chị Quách Quỳnh D là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị Quách Quỳnh D kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Căn cứ vào Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về tài sản chung: Giao cho anh Hoàng Trọng V tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 90,18m^2, thửa đất số 218, tờ bản đồ số P4-24- Địa chỉ tại số nhà 019, đường B, tổ 20, phường E, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và sở hữu 01 ngôi nhà xây 02 tầng, diện tích cả hai tầng là 177,78m^2, nằm trên diện tích đất nêu trên, trị giá nhà và đất là 1.196.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Anh Hoàng Trọng V có trách nhiệm thanh toán tiền chệnh lệch chia tài sản chung cho chị Quách Quỳnh D số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Quách Quỳnh D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: 0004576 ngày 21/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai, số tiền này được khấu trừ vào số tiền phải chịu án phí phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sựcó quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Điều 7a Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh 2;
- TAND thành phố L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

- THADS thành phố L;
- Các đương sự 2;
- Lưu HSVA; TA.

Hoàng Hữu Khoa

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện **Vũ Minh Quán** **Hoàng Hữu Khoa**